

## **Giới thiệu đề tài nghiên cứu khoa học xã hội**

### **1. “Lợi ích nhóm và tác động của nó đến các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay”**

- Chủ nhiệm: PGS.TS. Nguyễn Hữu Đễ  
- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Triết học  
- Thời gian thực hiện: từ tháng 01 - 2013 đến 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 02 - 03 - 2015  
- Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu nhóm lợi ích, lợi ích nhóm và mối quan hệ giữa chúng, chỉ ra sự tác động tích cực và tiêu cực của lợi ích nhóm đến các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay; tìm hiểu và làm rõ cơ chế tác động của nó trong các lĩnh vực kinh tế cơ bản có khả năng sinh ra lợi ích nhóm ở nước ta trong những năm qua; phân tích những vấn đề đặt ra trên phương diện lý luận để loại trừ lợi ích nhóm hiện nay, trên cơ sở đó nêu ra những giải pháp có tính cấp thiết và lâu dài cho việc loại bỏ sự tác động tiêu cực của lợi ích nhóm ở Việt Nam trong những năm tới.

- Những đóng góp mới của đề tài:

*Thứ nhất*, đã chỉ ra được những tác động tiêu cực và tích cực của nhóm lợi ích và lợi ích nhóm, vì thế cần loại bỏ sự tác động tiêu cực chứ không phải loại bỏ nhóm lợi ích và lợi ích nhóm nói chung.

*Thứ hai*, phân tích được sự hình thành lợi ích nhóm ở Việt Nam và cơ chế tác động của nó đến việc hình thành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, cụ thể: sự biến tướng của vận động hành lang và vấn đề hình thành cơ chế vận động hành lang ở nước ta trong những năm qua; sự hạn chế trong nhận thức của cả chủ thể quản lý xã hội và người dân trong nhận thức về lợi ích nhóm và cơ chế vận động hành lang; vấn đề minh bạch và công khai hoá các hoạt động của các tổ chức chính phủ và các doanh nghiệp lớn chưa được hiện thực hoá.

*Thứ ba*, đưa ra được 3 giải pháp cơ bản có tính định hướng trong việc hình thành một cơ chế tác động lành mạnh của các nhóm lợi ích đối với sự ra đời những chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới: tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước; hoàn thiện và mở rộng chế độ dân chủ; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

*Thứ tư*, đưa ra những kiến nghị vừa có tính căn bản lâu dài vừa có tính thiết thực trong việc ngăn chặn sự tác động tiêu cực của lợi ích nhóm ở Việt Nam: quán triệt quan điểm sự tồn tại của các nhóm lợi ích là một tất yếu khách quan trong xu thế phát triển của đất nước; ngăn chặn, loại bỏ lợi ích nhóm tiêu cực là việc làm thường xuyên, đồng bộ và có hệ thống; chống lợi ích nhóm tiêu cực phải được tiến hành một cách triệt để và cương quyết trên cơ sở tuân thủ pháp luật.

- Đề tài xếp loại: Khá.

BH

### **2. “Sinh kế của nhóm thanh niên vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa”**

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Dương Chí Thiện và PGS.TS.Vũ Mạnh Lợi

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Xã hội học  
- Thời gian thực hiện: Từ 01 - 2013 đến 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 26 - 04 - 2015  
- Nội dung nghiên cứu: Tìm hiểu thực trạng sinh kế của nhóm thanh niên vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa; đánh giá các yếu tố (kinh tế - xã hội) thuận lợi và các khó khăn/thách thức đối với sinh kế của nhóm thanh niên vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa; triển vọng và xu hướng thay đổi sinh kế của nhóm thanh niên vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa hiện nay.

- Những đóng góp mới của đề tài:

*Thứ nhất*, đưa ra được bức tranh toàn cảnh về thực trạng sinh kế của thanh niên vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa hiện nay. Thời gian qua, có diện tích lớn đất nông nghiệp bị thu hồi cho việc xây dựng các cơ sở hạ tầng khác của Thủ đô Hà Nội, khiến nông dân và các hộ nông nghiệp buộc phải chuyển sinh kế của gia đình và bản thân. Tuy nhiên, việc các khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ mọc lên trên địa bàn xã, các xã lân cận, giao thông thuận tiện cũng tạo nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, đặc biệt là thanh niên.

*Thứ hai*, đánh giá được các yếu tố (kinh tế - xã hội) thuận lợi và các khó khăn/thách thức đối với sinh kế của nhóm thanh niên vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa hiện nay. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là thách thức lớn nhất, là nguyên nhân quan trọng khiến thanh niên phải thay đổi sinh kế.

*Thứ ba*, chỉ rõ sự thay đổi về việc làm, thói quen, nếp nghĩ, nếp sinh hoạt, những giá trị văn hóa lâu đời đã gắn bó với lối sống làng quê ảnh hưởng đến nhận thức của người dân. Một số người có khả năng thích ứng tốt hơn, thường là thanh niên, những người có học vấn cao, có trình độ đào tạo nghề phù hợp với trình độ phát triển đô thị, có nhiều nguồn lực, có thể phát triển tốt trong điều kiện mới. Những nhóm xã hội gặp nhiều khó khăn là những người nghèo, có trình độ học vấn hay trình độ nghề nghiệp hạn chế, người cao tuổi, người có sức khỏe yếu, phụ nữ, người chỉ biết làm nông nghiệp nhưng không có đất sản xuất. Những nhóm xã hội này cần được tính tới trong chính sách phát triển vùng ven đô.

*Thứ tư*, về triển vọng phát triển của thanh niên ven đô, nghiên cứu đã cho thấy thanh niên ven đô có học vấn khá, có tỷ lệ thanh niên được đào tạo nghề cao không thua kém thanh niên đô thị Hà Nội, có sức khỏe tốt, nhanh nhạy với những sản phẩm công nghệ cao như máy tính, mạng internet,

điện thoại di động... Tuy nhiên, thanh niên ven đô chưa biết khai thác hết những lợi thế của vốn vật chất, vốn con người, vốn xã hội, vốn thông tin để tạo dựng cho mình sinh kế bền vững.

- Đề tài xếp loại: Khá.

BH

### **3. “Bảo hiểm nông nghiệp ở một số nước Châu Âu và gợi mở chính sách cho Việt Nam”**

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Đặng Minh Đức

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Nghiên cứu Châu Âu

- Thời gian thực hiện: từ tháng 01 - 2013 đến 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 12 - 05 - 2015

- Nội dung nghiên cứu: Một số lý luận về bảo hiểm nông nghiệp ở Châu Âu; thực tiễn vận hành bảo hiểm nông nghiệp và tác động của chương trình bảo hiểm nông nghiệp đến phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nền nông nghiệp nói riêng ở một số nước Châu Âu; gợi mở chính sách về việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam.

- Những đóng góp mới của đề tài:

*Thứ nhất*, phân tích được khung lý thuyết liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp ở Châu Âu; từ khái niệm, phân loại, hình thức bảo hiểm trong bảo hiểm nông nghiệp, các mô hình áp dụng triển khai bảo hiểm nông nghiệp trên thế giới và ở các nước Châu Âu.

*Thứ hai*, phân tích được chính sách, thực trạng triển khai bảo hiểm ở một số nước Châu Âu điển hình; một số thành công và hạn chế trong triển khai chính sách bảo hiểm nông nghiệp ở Châu Âu (một trong những mâu chốt để bảo hiểm nông nghiệp hiệu quả và bền vững là phải thúc đẩy mô hình hợp tác công tư (PPP). Trong đó, có sự kết hợp, cùng tham gia của cả nhà nước, doanh nghiệp tư nhân cũng như các hộ nông dân).

*Thứ ba*, đưa ra được một số gợi mở chính sách cho Việt Nam: hoàn thiện hệ thống

pháp luật liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp; hoàn thiện môi trường pháp lý cho doanh nghiệp yên tâm hoạt động kinh doanh; xây dựng và quản lý rủi ro đối với từng sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp; giám sát công tác phòng chống thiên tai, bệnh dịch, phòng chống trục lợi bảo hiểm, công tác tuân thủ quy trình sản xuất, canh tác, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ cải thiện hệ thống dữ liệu và thu thập dữ liệu; giúp các bên tham gia bảo hiểm nông nghiệp dễ dàng giám sát và thực hiện bồi thường theo hợp đồng, hoặc nhà nước có thể đứng ra bồi thường khi xảy ra thảm họa thiên nhiên, gây thiệt hại cho cây trồng vật nuôi.

- Đề tài xếp loại: Khá.

BH

#### **4. “Cải cách thể chế văn hóa Trung Quốc từ năm 1978 đến nay”**

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Thu Phương

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Nghiên cứu Trung Quốc

- Thời gian thực hiện: từ 01 - 2013 đến 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 12 - 05 - 2015

- Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu quá trình cải cách thể chế văn hóa Trung Quốc từ năm 1978 đến nay; đề xuất những kiến nghị đối với cải cách thể chế văn hóa Việt Nam.

- Những đóng góp mới của đề tài:

*Thứ nhất*, nhận diện được cải cách thể chế văn hóa của Trung Quốc là một lộ trình được thực hiện bài bản trên nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý vĩ mô, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động văn hóa được tăng quyền tự chủ.

*Thứ hai*, phân tích được quá trình cải cách thể chế văn hóa ở Trung Quốc theo phương thức “dò đá qua sông”, “tiệm tiến”, “thí điểm bộ phận”, “điều chỉnh kịp thời”, “mở rộng tổng thể”, “đột phá trọng tâm”. Thành công lớn nhất là khôi phục được sự phát triển của văn hóa Trung Quốc sau thời

kì đại cách mạng văn hóa, hình thành mô hình văn hóa hiện đại, giải phóng sức sản xuất văn hóa, giảm thiểu tối đa các “cú sốc” về văn hóa, xã hội, từng bước đưa sự phát triển văn hóa theo hướng thích ứng dần với công cuộc cải cách mở cửa lấy kinh tế làm trọng tâm; những hạn chế không tạo ra được môi trường thể chế có khả năng thúc đẩy văn hóa bắt kịp tăng trưởng kinh tế; các khuôn khổ thể chế còn nhiều điểm chưa phù hợp với các thông lệ quốc tế; vai trò ổn định xã hội, tăng cường sức sáng tạo văn hóa, hình thành hệ giá trị của thể chế văn hóa còn yếu.

*Thứ ba*, từ kinh nghiệm thành công của Trung Quốc đề xuất được các kiến nghị có khả năng áp dụng vào Việt Nam: tiếp tục cải cách thể chế văn hóa theo phương thức Đảng định hướng đường lối, Nhà nước quản lý vĩ mô, các tổ chức, cá nhân được trao quyền tự chủ nhiều hơn trong hoạt động văn hóa; cần có những giải pháp hiệu quả đối với vấn đề sở hữu văn hóa, hoàn thiện cơ chế, chính sách, biện pháp đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, tăng cường quảng bá hình ảnh, sức hấp dẫn, giá trị Việt Nam ra thế giới; tập trung kiện toàn hệ thống luật bản quyền, tạo môi trường cởi mở về thông tin, đa dạng về khả năng kết nối khoa học công nghệ hiện đại. Khuyến khích các loại hình văn hóa mới ra đời, chú trọng thúc đẩy sự phát triển của các thương hiệu văn hóa mạnh, hình thành môi trường thể chế cởi mở, linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm khả năng ổn định để nuôi dưỡng, kích thích sự sáng tạo, hình thành các giá trị văn hóa mới một cách tự nguyện trong đời sống xã hội.

- Đề tài xếp loại: Khá

BH

#### **5. “Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác và một số gợi ý đối với Việt Nam”**

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Đình Hòa

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Triết học

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1 - 2013 đến tháng 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 20 - 05 - 2015  
- Nội dung nghiên cứu: phân tích thực chất của việc Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác; quá trình Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác; đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Những đóng góp mới của đề tài:

*Thứ nhất*, làm rõ được rằng thực chất của việc Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác, là quá trình dân tộc hóa, thực dụng hóa và ngày càng xa rời chủ nghĩa Mác.

*Thứ hai*, khẳng định được rằng, tuy Việt Nam không thực hiện Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác như Trung Quốc đã thực hiện Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác, song trong quá trình vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, Việt Nam vẫn có thể gạt lợc và học hỏi những kinh nghiệm thực sự có giá trị và phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, như phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện dân chủ hóa trong kinh tế, khai thác nguồn lực văn hóa... để đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Thứ ba*, làm rõ được những vấn đề xoay quanh yêu cầu vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, khẳng định cần kiên định quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn nước ta. Điều này giúp chúng ta đạt được hiệu quả, đồng thời phòng ngừa khuynh hướng chủ quan, giáo điều; đặc biệt, thể hiện tính độc lập, tự chủ và sáng tạo của Việt Nam trong sự vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng và phát triển đất nước.

- Đề tài xếp loại: Khá.

PTT

## **6. “Nông thôn đồng bằng Bắc Bộ từ năm 1954 đến năm 1965”**

- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Đinh Quang Hải

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Sử học  
- Thời gian thực hiện: Từ 01 - 2013 đến 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 02 - 06 - 2015  
- Nội dung nghiên cứu: phân tích tình hình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ từ sau ngày hòa bình lập lại năm 1954 đến 1965 trên các mặt: chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới; công cuộc cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế nông nghiệp và tiêu thủ công nghiệp, cải thiện đời sống nông dân đồng bằng Bắc Bộ (1954 - 1957); công cuộc cải tạo thành phần kinh tế cá thể, sản xuất nhỏ, xác lập thành phần kinh tế tập thể ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ (1958 - 1960); xây dựng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

- Những đóng góp mới của đề tài:

*Thứ nhất*, làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trên các lĩnh vực, như: vấn đề sở hữu ruộng đất ở nông thôn, cách thức, trình độ tổ chức và quản lý sản xuất, lực lượng lao động và quan hệ lao động ở nông thôn. Trong đó làm rõ hai nội dung quan trọng nhất, có nhiều “vấn đề” nhất của giai đoạn lịch sử này là công cuộc cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp.

*Thứ hai*, làm rõ được các hình thức phân phối sản phẩm; thực trạng đời sống vật chất và đời sống văn hoá tinh thần của nông dân; đưa ra được đánh giá về những mặt thành công cũng như những mặt hạn chế trong việc xây dựng và phát triển nông thôn ở đồng bằng Bắc Bộ trước đây.

*Thứ ba*, chỉ rõ sự chuyển biến nhiều mặt của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nhờ tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế (1955 - 1957), phát triển kinh tế, phát triển văn hóa (1958 - 1960) và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

*Thứ tư*, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính

sách phát triển nông nghiệp và nông thôn hiện nay từ bài học kinh nghiệm của cải cách ruộng đất, hợp tác hóa nông nghiệp, xây dựng nông trường quốc doanh.

- Đề tài xếp loại: Khá.

BH

### **7. “Hệ thống chính trị ở cơ sở phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên (thuộc chương trình Tây Nguyên 3)”**

- Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Võ Khánh Vinh

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1 - 2013 đến tháng 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Nhà nước: 17 - 7 - 2015

- Nội dung nghiên cứu: Cơ sở khoa học cho việc đổi mới và phát triển hệ thống chính trị cơ sở; xác định và hiện thực hoá các mối quan hệ cơ bản trong hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh khu vực Tây Nguyên theo hướng phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, thực hành dân chủ trong các thiết chế quyền lực chính trị, tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong

quá trình đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030.

- Những đóng góp mới của đề tài:

*Thứ nhất*, làm sáng tỏ các khía cạnh lý luận cơ bản liên quan đến xây dựng hệ thống chính trị cơ sở phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên.

*Thứ hai*, đánh giá được tiến trình phát triển và thực trạng tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên từ năm 1986 đến nay; chỉ ra hiệu quả hoạt động và mức độ đáp ứng của hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh khu vực Tây Nguyên trên quan điểm phát triển bền vững.

*Thứ ba*, đề xuất được giải pháp tiếp tục phát triển hệ thống chính trị cơ sở phục vụ phát triển bền vững Tây Nguyên giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030. Trên cơ sở đó góp thêm luận cứ khoa học cho việc triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 và kiến nghị những nội dung cụ thể cho việc soạn thảo các văn kiện trình Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đề tài xếp loại: Xuất sắc

MN

## **Hội thảo khoa học**

### **1. “Đồng chí Nguyễn Văn Linh với cách mạng Việt Nam và quê hương Hưng Yên”**

Ngày 24 tháng 6 năm 2015, tại Hưng Yên, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Hưng Yên tổ chức Hội thảo khoa học “Đồng chí Nguyễn Văn Linh với cách mạng Việt Nam và quê hương Hưng Yên” nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh (1/7/1915 - 1/7/2015).

Phát biểu tại Hội thảo, đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung

ương đã ôn lại cuộc đời hoạt động cách mạng vẻ vang và những cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta. Đồng chí Đinh Thế Huynh khẳng định: Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế. Gần 70 năm hoạt động cách mạng sôi nổi, phong phú, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, dân tộc. Cuộc đời của đồng chí là tấm gương sáng ngời của một người cộng sản đã phấn đấu kiên cường và hoàn thành xuất sắc nhiều trọng trách

được Đảng và nhân dân trao cho ở những thời điểm khó khăn của cách mạng; hội tụ những phẩm chất quý báu của một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng; là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí, công vô tư; nêu cao tinh thần trách nhiệm, luôn gắn bó với nhân dân; suốt đời hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Trên bất kỳ cương vị nào, đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng chứng tỏ là một nhà lãnh đạo kiên định, sáng tạo. Đồng chí Đinh Thế Huynh đặc biệt nhấn mạnh những đóng góp của đồng chí Nguyễn Văn Linh trên cương vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Văn Thông, Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên nhấn mạnh: Là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh thể hiện rõ phong cách làm việc mẫu mực và tầm nhìn hệ thống, toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, về xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, thực hiện đại đoàn kết toàn dân,... Đồng chí Nguyễn Văn Linh thể hiện rõ phẩm chất, cốt cách người chiến sĩ cộng sản, luôn phấn đấu, hy sinh vì sự nghiệp dân tộc, không màng danh lợi, địa vị cá nhân.

Các tham luận được trình bày tại Hội thảo đã làm rõ những cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, suốt đời phấn đấu vì độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của nhân dân.

LM

## **2. “Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ: Tiếp cận từ góc độ văn hoá, xã hội, giáo dục, đào tạo”**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015, tại Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học “Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ: Tiếp cận từ góc độ văn hoá, xã hội, giáo dục, đào tạo”.

Với 75 tham luận của gần 100 học giả

Việt Nam và Ấn Độ, Hội thảo đã tạo nên tiếng nói đa chiều, đa bản sắc, luận giải từ nhiều góc độ xoay quanh những chủ đề lớn trong quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: văn hoá, xã hội, giáo dục, đào tạo. Các tham luận đã giúp độc giả hiểu sâu sắc hơn nhãn quan chính trị, tầm nhìn xa trông rộng của các vị lãnh tụ kiệt xuất từng đặt nền tảng cho quan hệ Việt Nam - Ấn Độ; luận giải kỹ hơn nguyên nhân, thực trạng, triển vọng và đề xuất giải pháp góp phần thúc đẩy hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên bình diện văn hoá, xã hội, giáo dục, đào tạo lên tầm cao mới.

Phát biểu tại Hội thảo, bà Preeti Saran cho rằng cả hai quốc gia đều có dân số trẻ, do đó tương lai của mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ sẽ dựa vào giới trẻ hai nước. Vì vậy, cần giáo dục những người trẻ về tiềm năng quan hệ giữa hai quốc gia và nền móng được tạo nên bởi những ảnh hưởng về văn hoá, giáo dục, xã hội sẽ đóng một vai trò quan trọng. Bà bày tỏ mong muốn tiếp tục hợp tác với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị đứng đầu về đào tạo cán bộ trẻ cũng như cán bộ trung, cao cấp cho Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Quan hệ hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ thời gian gần đây thể hiện rõ trên năm trụ cột chính: kinh tế, chính trị; văn hoá - giáo dục; khoa học, kỹ thuật; năng lượng và quốc phòng - an ninh. Các nhà lãnh đạo Việt Nam - Ấn Độ đều khẳng định nhất quán ủng hộ quan hệ hữu nghị truyền thống và đối tác chiến lược hai nước, coi Việt Nam là trụ cột quan trọng nhất trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ.

Hội thảo khoa học đặt tiền đề cho Hội thảo quốc tế “Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ - ASEAN: Thực trạng và triển vọng” sẽ được tổ chức vào dịp kỷ niệm Ngày Quốc khánh Cộng hoà Ấn Độ và tiến tới kỷ niệm một năm thành lập Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

LM

### 3. “Nghiên cứu so sánh về chính sách xã hội tại Hàn Quốc và Việt Nam: Xây dựng chính sách, quá trình và đánh giá”

Ngày 31/7/2015, tại Hà Nội, Học viện Khoa học xã hội (GASS), thuộc Viện Hàn lâm Học viện Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Nghiên cứu Phát triển Châu Á (ADI) thuộc trường Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc đã phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế “Nghiên cứu so sánh về chính sách xã hội tại Hàn Quốc và Việt Nam: Xây dựng chính sách, quá trình và đánh giá”.

Phát biểu khai mạc Hội thảo GS.TS. Võ Khánh Vinh, Giám đốc GASS nhận định: Việt Nam và Hàn Quốc đều là các quốc gia đã toàn cầu hóa nền kinh tế. Do vậy, xu hướng phải đối mặt với các rủi ro xã hội và bất bình đẳng ngày càng tăng. Mặc dù thách thức mà hai nước phải đối mặt là khác nhau, nhưng các vấn đề có liên quan đến chính sách xã hội được thảo luận tại Hội thảo này sẽ là các cơ sở lý luận quan trọng, cung cấp những kiến thức tương đồng cho các nhà hoạch định chính sách của cả hai nước.

Hội thảo tập trung trình bày các chủ đề thiết kế chính sách xã hội; thực hiện chính sách xã hội; đánh giá chính sách xã hội so sánh Việt Nam và Hàn Quốc; thảo luận chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ Chính sách công. Các diễn giả đã làm rõ và trao đổi sâu vào các vấn đề mà cả hai nước đang gặp phải trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách có liên quan tới thể chế, khung pháp lý, hiện thực các chính sách xã hội và tài chính ở cả Việt Nam và Hàn Quốc; cơ chế thị trường; tệ nạn xã hội; học vấn, vùng miền; sự tham gia của người dân,... nhằm tìm ra các nguyên nhân cụ thể và hướng khắc phục.

Cuối Hội thảo, cả GASS và ADI đã cùng nhau chia sẻ nhiều kinh nghiệm về Chương trình đào tạo Thạc sĩ Chính sách công tại cơ sở mình và cùng thảo luận thúc đẩy cải tiến về phương thức giảng dạy và nghiên cứu

nhằm cùng nhau tìm ra phương thức hợp tác chặt chẽ hơn trong tương lai.

MN

### 4. “Linh nhân Hoàng Thái hậu và Khu di tích Đền Ghênh, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên”

Ngày 3/8/2015, tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm) và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã phối hợp tổ chức hội thảo khoa học “Linh nhân Hoàng Thái hậu và Khu di tích Đền Ghênh, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên”.

Phát biểu chào mừng hội thảo, đại diện lãnh đạo tỉnh Hưng Yên nêu rõ: Trong lịch sử giữ nước của dân tộc Việt Nam, Hưng Yên là tỉnh có truyền thống văn hiến, nơi sản sinh ra nhiều anh hùng, hào kiệt và danh nhân văn hoá của đất nước. Trong đó, tiêu biểu là Linh nhân Hoàng Thái hậu Ý Lan - một bậc “nữ trung hào kiệt”, danh nhân lịch sử - văn hoá nổi tiếng của đất nước thế kỷ XI - XII. Tên tuổi và sự nghiệp của Bà gắn liền với hai vị vua kiệt xuất là Lý Thánh Tông (chồng Bà) và Lý Nhân Tông (con trai Bà). Trong gần 1000 năm qua, trong sử sách cũng như trong ký ức của nhân dân cả nước, Linh nhân Hoàng Thái hậu Ý Lan đã trở thành biểu tượng cho lòng can đảm, trí thông minh, khéo léo, có trách nhiệm lo toan, gánh vác công việc của quốc gia, dân tộc cũng như của gia đình.

PGS.TS. Đinh Quang Hải, Viện trưởng Viện Sử học nhấn mạnh: Linh nhân Hoàng Thái hậu Ý Lan là một nhân vật lịch sử và văn hoá nổi tiếng của nước ta. Trong gần 1000 năm qua, kể cả chính sự và ký ức của nhân dân cả nước, Bà đã trở thành hình ảnh tiêu biểu cho những đức tính cao quý của dân tộc và được nhân dân khắp nơi mến phục. Sau khi Bà đi vào cõi vĩnh hằng, nhiều nơi đã dựng chùa, tháp và đền thờ Bà ví như Đền Ghênh (Hưng Yên), chùa Hương Lãng (xã Minh Hải, huyện Văn Lâm)...

Các tham luận tại Hội thảo tập trung vào ba chủ đề lớn: (1) Đánh giá vai trò của Linh nhân Hoàng Thái hậu đối với vương triều Lý (cuối thế kỷ XII, đầu thế kỷ XIII); (2) Hình tượng Linh nhân Hoàng Thái hậu trong tâm thức dân gian và sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội của xứ Kinh Bắc xưa; (3) Đền Ghênh và hệ thống di tích đình, chùa, miếu,... trên địa bàn huyện Văn Lâm và phụ cận liên quan đến Linh nhân Hoàng Thái hậu.

Các tham luận theo chủ đề 1 đã nêu bật toàn bộ sự nghiệp của Linh nhân Hoàng Thái hậu đối với vương triều Lý kể từ khi thay vua Lý Thánh Tông trị nước trong thời gian nhà vua nam chinh Chiêm Thành và thời gian nhiếp chính khi Lý Nhân Tông còn nhỏ, thể hiện rõ trong việc trị quốc, an dân và đặc biệt là tạo nên sự cố kết nội bộ triều đình và cố kết sức mạnh toàn dân trong cuộc kháng chiến chống quân Tống giành thắng lợi năm 1075 - 1076. Tại chủ đề 2 các tham luận đã thể hiện sự phong phú của nguồn tài liệu dân gian, từ nguồn tài liệu chữ viết đến truyền thuyết và thông qua các nghi lễ thờ cúng, hội hè để thấy được hình tượng của Linh nhân Hoàng Thái hậu có sức sống bền vững và vĩnh cửu trong tâm thức bao thế hệ nhân dân xứ Kinh Bắc khi xưa nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Tại chủ đề 3 trên lĩnh vực khảo cổ học giúp làm rõ nhiều vấn đề liên quan đến việc thờ tự tại Đền Ghênh cũng như giải mã về một số địa danh cổ có liên quan đến Cổ Lỗi, Thổ Lỗi, Siêu Loại,... Bên cạnh đó, thông qua ngôn ngữ chữ Hán tự và kết quả thám sát 7 hố trong khu di tích Đền Ghênh và các vùng phụ cận, các tham luận đã cung cấp nhiều chứng cứ có giá trị về mặt niên đại đối với khu di tích, góp phần làm sáng tỏ hơn về niên đại Đền Ghênh, cũng như cung cấp nhiều thông tin có giá trị khác về chùa Hương Lãng, chùa Thái Lạc (Hưng Yên); Đền Bảo Đới (Hải Dương) và hệ thống đình, đền, chùa ở Bắc Ninh, là những địa điểm thờ tự Linh nhân Hoàng Thái hậu.

Thay mặt cho lãnh đạo Viện Hàn lâm, PGS.TS. Phạm Văn Đức, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm, khẳng định: Hội thảo đã góp phần làm rõ các giá trị lịch sử - văn hóa liên quan đến Hoàng Thái hậu Ý Lan cũng như các thông tin liên quan đến kiến trúc, niên đại của Khu di tích Đền Ghênh trong quần thể những di tích thờ Linh nhân Hoàng Thái hậu Ý Lan ở Hà Nội, Bắc Ninh và Hưng Yên. Đây là những cơ sở lý luận quan trọng giúp ba địa phương tìm ra một hướng đi và liên kết mới góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững vì một đất nước Việt Nam hòa bình và thịnh vượng.

MN

### **5. “Báo cáo Phát triển Việt Nam 2035”**

Chiều ngày 24/8/2015, tại Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm) đã phối hợp với Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) tổ chức tọa đàm về “Báo cáo Phát triển Việt Nam 2035” do GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện Hàn lâm chủ trì với sự tham gia thuyết trình của các chuyên gia đến từ WB, Bà Victoria Kwakwa, Giám đốc quốc gia khu vực Đông Á - Thái Bình Dương và ông Sandeep Mahajan, trưởng nhóm kinh tế Đông Á - Thái Bình Dương.

Đây là tọa đàm dành riêng cho các thảo luận chương tóm tắt của Báo cáo do đó các chuyên gia đã tập trung làm rõ các vấn đề tổng quan có liên quan đến tôn chỉ phát triển quốc gia bao gồm 5 định hướng cơ bản sau: (1) Khuyến khích công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với phát triển một nền kinh tế tri thức, đồng thời bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; (2) Phát triển một nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Xây dựng một nền văn hoá truyền thống và hiện đại, phát triển con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện cải tiến và công bằng xã hội; (4) Thực hiện quan hệ đối ngoại độc lập, chủ động, hòa bình, hữu nghị và hợp tác

phát triển, chủ động hội nhập quốc tế; (5) Xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân. Các định hướng nêu trên đồng loạt dựa trên ba trụ cột chính là: hiệu suất tăng trưởng; công bằng; quản trị nhà nước và trách nhiệm giải trình.

Với trụ cột hiệu suất tăng trưởng giúp Việt Nam trở thành quốc gia hiện đại, công nghiệp hoá vào năm 2035, các chuyên gia cho rằng Việt Nam vẫn còn gặp nhiều thách thức vì định nghĩa về mục tiêu này chưa được làm rõ, dẫn đến khó theo dõi xem Việt Nam có đi đúng hướng đã vạch ra hay không. Qua đó, các chuyên gia cũng đưa ra một định nghĩa tạm thời về một nền kinh tế công nghiệp hóa hiện đại như sau: giá trị tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đầu người đạt 15.000 USD, tính theo giá trị Nghị định Hợp tác công tư (PPP) và mức giá cả năm 2005; phần lớn dân số sống tại các thành phố; tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống mức dưới 10% trong GDP và dưới 25% tổng việc làm. Để đảm bảo trụ cột này đi đúng hướng, Chính phủ Việt Nam cần chú trọng vào các chiều cạnh như năng suất lao động, hiệu suất hoạt động khu vực kinh tế tư nhân, có chương trình cải cách từ ngắn đến trung hạn nhằm tăng cường thể chế thị trường, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, hiện đại hóa nông nghiệp cả về hạ tầng và thể chế,...

Về các thách thức đảm bảo công bằng, các chuyên gia cũng làm rõ chương trình nghị sự kép về công bằng hướng tới năm 2035 của Việt Nam vẫn còn chưa hoàn thành, nhất là các vấn đề liên quan đến bình đẳng cơ hội đối với nhóm dân tộc thiểu số, người khuyết tật, lao động nhập cư tại các đô thị,... Trên cơ sở so sánh giữa trẻ em dân tộc thiểu số với trẻ em dân tộc đa số trên thước đo cơ hội, các chuyên gia nhận định trẻ em dân tộc thiểu số chịu thiệt thòi về bình đẳng cơ hội (tiếp tục được đi học sau phổ thông, tiếp cận điều kiện vệ sinh, tỷ lệ tử vong, còi xương); hơn ½ số trẻ em khuyết tật nặng chưa bao giờ được đến

trường; những người nhập cư bị hạn chế cơ hội nhập khẩu tại các thành phố... Các chuyên gia khuyến nghị Việt Nam cần giải quyết tốt tam giác bất bình đẳng: giáo dục - suy dinh dưỡng - điều kiện vệ sinh đối với vùng các dân tộc thiểu số; thực hiện cam kết về hòa nhập xã hội đối với người khuyết tật; phá bỏ các rào cản về tình trạng hộ khẩu đối với lao động nhập cư tại các thành phố; giảm tỉ lệ giới tính khi sinh đối với chính sách dân số, tuyên truyền về lợi ích của việc sinh con gái, tăng cường hỗ trợ đối với người già...

Về trụ cột quản trị và trách nhiệm giải trình tầm nhìn 2035, các chuyên gia nhận định: Việt Nam cần thay đổi mạnh mẽ, hướng tới thực hiện nhà nước pháp quyền, thúc đẩy nền kinh tế thị trường tiên tiến và xã hội dân sự phát triển. Đổi mới nhà nước (cả nhánh lập pháp và tư pháp) trên cơ sở kiểm tra đối trọng giữa các nhánh nhà nước với nhau; tổ chức hiệu quả hơn mối quan hệ giữa trung ương và địa phương; xây dựng một bộ máy hành chính công có tâm huyết, năng lực, đạo đức, có trách nhiệm tập thể, chú trọng sử dụng người tài; đảm bảo tốt vai trò của nhà nước trong nền kinh tế,...

Tổng kết toạ đàm GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng đã đánh giá cao nội dung thuyết trình của các chuyên gia đến từ Ngân hàng Thế giới và các ý kiến trao đổi tại toạ đàm. Với sự khởi đầu tốt đẹp, các ý kiến trao đổi và nội dung thuyết trình sẽ trở thành cơ sở lý luận quan trọng giúp Viện Hàn lâm và WB tiếp tục mở rộng các toạ đàm khác chuyên sâu hơn vào từng phần của Báo cáo Phát triển Việt Nam năm 2035.

MN

## **6. “Các chiều cạnh giới của sự tách biệt xã hội: Hướng tới những chính sách toàn diện hơn đối với phụ nữ”**

Ngày 29 tháng 9 năm 2015, tại Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Ủy ban Quốc gia UNESCO

của Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc tế “Các chiều cạnh giới của sự tách biệt xã hội: Hướng tới những chính sách toàn diện hơn đối với phụ nữ”. Hội thảo nhằm mục đích tăng cường đối thoại chính sách giữa các nhà nghiên cứu, các tổ chức quốc tế và các nhà hoạch định chính sách trên cơ sở tri thức khoa học xã hội, tạo diễn đàn, không gian đối thoại và chia sẻ tri thức về các chiều cạnh giới và sự tách biệt xã hội ở Việt Nam.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Phạm Sanh Châu, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam cho rằng, bình đẳng giới là một trong hai ưu tiên mang tính toàn cầu của UNESCO kể từ năm 2008. Đó không chỉ là quyền cơ bản của con người mà còn là cơ sở thiết yếu để xây dựng các xã hội hòa bình và phát triển bền vững.

Bà Katherine Muller - Marin, Trưởng đại diện UNESCO tại Việt Nam khẳng định: chúng ta sẽ có thể tập trung vào việc kết nối và xây dựng mạng lưới những người muốn dành tâm huyết và nỗ lực của mình thúc đẩy nghiên cứu, nâng cao nhận thức và xây dựng những chính sách có tính hòa nhập cho cả nam và nữ, không để bất kỳ ai tụt lại phía sau.

Phát biểu đề dẫn Hội thảo, PGS.TS. Nguyễn Hữu Minh, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cho rằng, tách biệt xã hội là một thách thức lớn cho bình đẳng xã hội. Tại nhiều quốc gia, phụ nữ có địa vị thấp kém hơn trong nhiều lĩnh vực dẫn đến hạn chế sự tham gia của phụ nữ. Các chính sách cần đảm bảo phụ nữ ở các nhóm xã hội khác nhau có cơ hội như nhau.

Hội thảo tập trung thảo luận các vấn đề chủ yếu như sau: (1) Phân tích tách biệt xã hội từ chiều cạnh giới qua thực tiễn ở Việt Nam; (2) Những giải pháp tạo điều kiện cho phụ nữ ở các nhóm tách biệt hòa nhập tốt hơn vào xã hội; (3) Những giải pháp cho vấn đề phụ nữ tham gia lãnh đạo, đặc biệt là đối với phụ nữ dân tộc thiểu số trong hệ

thống chính trị các cấp, nhất là hệ thống chính trị cơ sở; (4) Cơ hội việc làm và sinh kế cho phụ nữ khuyết tật, người đồng tính nữ và người chuyển giới.

Các tham luận và ý kiến phát biểu xoay quanh những chủ đề trên. PGS. TS. Đặng Nguyên Anh, Viện trưởng Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nhận định, ở Việt Nam, công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ nói chung và phụ nữ người dân tộc nói riêng đã đạt được những thành tựu song còn nhiều hạn chế do bị chi phối bởi các yếu tố khác nhau. TS. Nicola Jones, Viện Nghiên cứu Phát triển Quốc tế, Vương quốc Anh đưa ra những phát hiện từ một chương trình nghiên cứu được thực hiện trong 3 năm về em gái vị thành niên thuộc nhóm người dân tộc Mông ở 2 tỉnh Hà Giang và Lào Cai với những chuẩn mực xã hội đã kìm hãm sự công bằng giới trong bối cảnh một quốc gia đang phát triển. Các cách thức mà các chuẩn mực xã hội coi các em gái chỉ hơn những người vợ/người mẹ tương lai một chút, và như một loại tài sản của gia đình, hầu hết các em học hết bậc trung học và phải làm việc nhà và sản xuất nông nghiệp. Bà Jean Munro, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) cho rằng, mặc dù Việt Nam đạt được nhiều tiến bộ đáng kể trong thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, nhưng vẫn còn khoảng cách giữa mục tiêu và kỳ vọng được thể hiện trong các văn bản của Chính phủ...

Phát biểu tổng kết Hội thảo, GS. TS. Võ Khánh Vinh khẳng định, chủ đề chiều cạnh giới về tách biệt xã hội có ý nghĩa lý luận và nhận thức rất quan trọng, phù hợp xu hướng phát triển của thế giới mà UNESCO đã khởi động, phù hợp xu hướng khu vực, đặc biệt khu vực Đông Nam Á và Châu Á, phù hợp với thực trạng Việt Nam hiện nay. Chủ đề này cần có cách tiếp cận đa ngành, liên ngành trên các cấp độ: lý luận, thực tiễn, chính sách.

NV

